

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
(Hình thức đào tạo chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTO
3. Địa chỉ các trụ sở:
 - Trụ sở chính: Tổ dân phố 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
 - Cơ sở 1: Tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://dienbien.tnu.edu.vn>
5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh:
<https://dienbien.tnu.edu.vn>;
<https://www.facebook.com/profile.php?id=100064145730862>.
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02153.828.702; 0388.532.988; 0932.285.108.
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://dienbien.tnu.edu.vn>.

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương THPT của Việt Nam.

Điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) theo Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Đại học Thái Nguyên/Phân hiệu quy định cho từng ngành/phương thức xét tuyển năm 2026;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với các ngành Sư phạm, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp, khiếm thính, khiếm thị (Phân hiệu sẽ kiểm tra sức khỏe đầu khóa đối với tất cả sinh viên trước khi tham gia đào tạo).

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8) (Mã PT 301).

Phương thức 2 (PT2): Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (Mã PT 100).

Phương thức 3 (PT3): Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Mã PT 200).

Phương thức 4 (PT4): Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Đại học Thái Nguyên và các đơn vị khác (Mã PT 417).

Phương thức 5 (PT5): Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT); đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (TSA) (Mã PT 402).

Phương thức 6 (PT6): Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học (Mã PT 500).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT (Mã PT 100)

*** Ngưỡng đầu vào:**

- Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3.

- Dự tuyển ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non (trình độ đại học), Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GDĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Điểm xét tuyển = Điểm thi TN THPT 2026 (môn 1 + môn 2 + môn 3) + điểm UT, điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có)

Trong đó:

Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm thưởng, điểm khuyến khích được quy định tại Mục 5.2 văn bản này.

Đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (điểm quy đổi quy định tại Mục 5.3 văn bản này).

*** Nguyên tắc xét tuyển:**

Điểm xét tuyển xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

*** Ghi chú:** Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).

3.2. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Mã PT 200)

*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Dự tuyển ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non (trình độ đại học): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

Dự tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

Dự tuyển ngành Điều dưỡng (trình độ cao đẳng): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình cộng các môn xét tuyển trong 3 năm (Điểm trung bình cộng các môn xét tuyển năm lớp 10, Điểm trung bình cộng các môn xét tuyển năm lớp 11, Điểm trung bình cộng các môn xét tuyển năm lớp 12) hoặc tương đương của thí sinh tối thiểu là 5,0 điểm theo thang điểm 10 (mười). Đối với thí sinh là công dân Lào (có môn học xét tuyển tương đương với thí sinh Việt Nam): Có bằng tốt nghiệp và bằng điểm tương đương với tốt nghiệp THPT của Việt Nam; có chứng chỉ học tiếng Việt; có Văn bản đồng ý cho đi học của Sở Giáo dục, Thể thao và Du lịch Nước CHDCND Lào.

Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

Dựa vào kết quả học tập trong học bạ THPT theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GDĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn học tập trong học bạ THPT quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng; điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

3.3. Xét tuyển dựa trên điểm thi V-SAT trên máy tính (Mã PT 417)

*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Dự tuyển ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục mầm non (trình độ đại học): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

Dự tuyển ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

Dựa vào kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính (của thí sinh trong cùng 1 đợt thi) theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GDĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng; điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

3.4. Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (Mã PT 402)

*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Dự tuyển ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục mầm non (trình độ đại học): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

Dự tuyển ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Có kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên.

Dựa vào kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sử dụng ngưỡng quy đổi điểm tương đương do các đơn vị tổ chức thi xác định và công bố theo quy định của Bộ GDĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng; điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

*** Ghi chú**

- Quy tắc tính điểm ưu tiên cho các phương thức xét tuyển:

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, cụ thể:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách}$.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).

- Điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.

4. Số lượng tuyển sinh

4.1. Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7140201	Giáo dục Mầm non (dự kiến)	7140201	Giáo dục Mầm non (dự kiến)	100 (dự kiến)	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng - Phương thức 2: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 3: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 4: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 5: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 6: Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
2	7140202	Giáo dục Tiểu học (dự kiến)	7140202	Giáo dục Tiểu học (dự kiến)	100 (dự kiến)	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng - Phương thức 2: (Tổ hợp D01, C01, C03) - Phương thức 3: (Tổ hợp D01, C01, C03) - Phương thức 4: (Tổ hợp D01, C01, C03) - Phương thức 5: (Tổ hợp D01, C01, C03) - Phương thức 6: Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học.	
3	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	150	- Phương thức 2: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 3: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 4: (Tổ hợp D01, X01, C03) - Phương thức 5: (Tổ hợp D01, X01, C03)	
4	6720301	Điều Dưỡng (Cao đẳng)	6720301	Điều Dưỡng (Cao đẳng)	105	- Phương thức 3: (Tổ hợp A00, A02, B00, C03, D01, D07, D08)	

Ghi chú các tổ hợp môn xét tuyển:

C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý	X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GD&PL)
C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử	B00: Toán, Hóa học, Sinh học
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
A00: Toán, Vật Lý, Hóa học	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
A02: Toán, Vật Lý, Sinh học	D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

4.2. Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đào tạo tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển	Ghi chú
1.	CNTTD	Công nghệ thông tin	7480201-ĐB	Công nghệ thông tin	40	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 2 + Môn 3). - Phương thức 3: (Tổ hợp: Toán + Môn 2 + Môn 3) - Phương thức 4: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	(Đào tạo tại Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Điện Biên)

Ghi chú:

Môn 2, Môn 3 là một trong các môn thuộc danh mục môn thi tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các tổ hợp môn: Toán, Tin học, Giáo dục công dân; Toán, Công nghệ nông nghiệp, Giáo dục công dân; Toán, Công nghệ công nghiệp, Giáo dục công dân; Trường hợp lựa chọn môn Ngoại ngữ, nhà trường chỉ xét môn Tiếng Anh). Môn 2 khác môn 3.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên không quy định mức chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn, trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Phân hiệu áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên sau:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình môn lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình môn lớp 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

5.2. Điểm cộng

Điểm cộng, bao gồm điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với các thí sinh: được thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

a) *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh, cụ thể:

Thành tích	Giải	Mức điểm cộng (Thang điểm 30)
Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn Học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển.	Nhất	3,00
	Nhì	2,75
	Ba	2,50
	Khuyến khích	1,50
Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương năm lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển.	Nhất	1,40
	Nhì	1,30
	Ba	1,20

b) *Điểm khuyến khích* dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ nhưng không sử dụng để quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển. Mức điểm khuyến khích tối đa là 1,50 điểm theo thang điểm 30, quy định cụ thể như sau:

Mức điểm IELTS	TOEFL iBT tương đương	VSTEP (Bậc/Điểm)	Điểm khuyến khích (Thang điểm 30)
5.0	45	Bậc 3 (5.5)	0,50
5.5	46 - 59	Bậc 4 (6.0 - 6.5)	0,75
6.0	60 - 78	Bậc 4 (7.0 - 8.0)	1,00
6.5	79 - 93	Bậc 5 (8.5 - 9.0)	1,25
> 6.5	≥ 94	Bậc 5 (9.5 - 10)	1,50

5.3. Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh)

Mức điểm IELTS	TOEFL iBT tương đương	VSTEP (Bậc/Điểm)	Điểm quy đổi xét tuyển (thang 10)
5.0	45	Bậc 3 (5.5)	8.0
5.5	46 - 59	Bậc 4 (6.0 - 6.5)	8.5
6.0	60 - 78	Bậc 4 (7.0 - 8.0)	9.0
6.5	79 - 93	Bậc 5 (8.5 - 9.0)	9.5
> 6.5	≥ 94	Bậc 5 (9.5 - 10)	10

5.4. Các thông tin khác

- Ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng tuyển sinh những thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Điện Biên (tính tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- Các ngành: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non trình độ đại học; ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng tuyển sinh trên cả nước.

- Chính sách học bổng khuyến khích học tập:

+ Phân hiệu xét và cấp học bổng cho SV theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Sinh viên có nhiều cơ hội được xét cấp học bổng tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp ngoài Phân hiệu.

- Chính sách miễn, giảm học phí:

+ Sinh viên ngành Sư phạm được hỗ trợ (miễn 100%) học phí, hỗ trợ chi phí sinh hoạt: 3.630.000đ/người/tháng (theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

+ Sinh viên ngành ngoài Sư phạm được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

- Học phí khối ngành sức khỏe: Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh trong năm 2026:

Đợt 1: Tháng 7/2026 (theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT).

Xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Từ tháng 8 đến tháng 12/2026.

Hình thức đăng ký: Theo quy định của Bộ GDĐT (qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung).

Các điều kiện xét tuyển: công bố tại Thông tin tuyển sinh chính thức trên website của Phân hiệu.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển: theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Đối với các nguyện vọng đăng ký trên cổng thông tin của Bộ GDĐT: thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GDĐT.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Phân hiệu cam kết thực hiện tuyển sinh công bằng, minh bạch, đúng quy chế tuyển sinh hiện hành.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh theo đúng quy trình, quy định.

Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh, chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh do sai sót trong tuyển sinh (nếu có).

10. Các nội dung khác

Chế độ chính sách cho người học: Thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Nhà trường có đủ chỗ ở nội trú cho sinh viên, có công trình phụ khép kín; sử dụng Wifi miễn phí.

11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 02 năm gần nhất

Stt	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (đã quy đổi)	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	511 40201	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	511 40201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	150	149	26	70	74	22,5/30 (đợt 1) 26,04/30 (Bổ sung)
					Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)				80	76	24,75 (đợt 1) 26,30 (Bổ sung)
2	672 0301	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	672 0301	Điều dưỡng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	127	124	Điểm trung bình trung 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt tối thiểu 5.0 trở lên	66	66	Điểm trung bình trung 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt tối thiểu 5.0 trở lên